

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK tăng điểm tương đồng với diễn biến chứng khoán thế giới khi nhà đầu tư bớt lo lắng về tác động tiêu cực của biến thể Omicron nhờ các nghiên cứu ở Anh, Scotland và Nam Phi cho thấy Omicron gây rủi ro nhập viện thấp hơn nhiều so với các biến thể COVID-19 trước như Delta

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL tăng điểm mạnh từ phiên chiều, tương đồng với diễn biến chỉ số VN30 trước sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu ngân hàng nhờ lực cầu quay trở lại sau khi thị giá giảm xuống vùng hỗ trợ

[Thông tin doanh nghiệp]

NVL, HAH

[Quan điểm đầu tư]

Sau khi gia tăng 1 phần vị thế trading, NĐT được khuyến nghị có thể linh hoạt bán 1 phần cân bằng lại tỷ trọng khi các cổ phiếu nằm giữ tiếp cận vùng cản gần

24/12/2021

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,477.03	+1.38
VN30	1,506.67	+1.98
HĐTL VN30F1M	1,509.00	+1.40
HNXIndex	445.61	+0.68
HNX30	753.11	+0.68
UPCoM	110.20	+0.61
USD/VND	22,921	-0.14
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.10	+0
Lãi suất qua đêm (%)	1.18	+28
Dầu (WTI, \$)	73.79	+0.00
Vàng (LME, \$)	1,811.67	+0.16

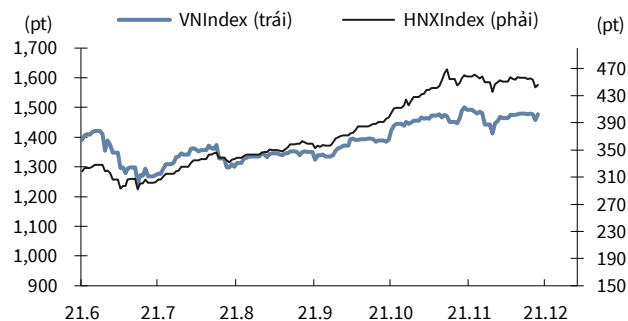


Điểm nhấn thị trường

VNIndex	1,477.03 (+1.38%)
KLGD (triệu CP)	889.5 (-27.9%)
GTGD (triệu US\$)	1,110.1 (-44.1%)
HNXIndex	445.61 (+0.68%)
KLGD (triệu CP)	118.2 (-28.8%)
GTGD (triệu US\$)	130.8 (-33.0%)
UPCoM	110.20 (+0.61%)
KLGD (triệu CP)	168.0 (+28.2%)
GTGD (triệu US\$)	76.4 (-32.3%)
NĐTNN mua ròng (triệu US\$)	-6.6

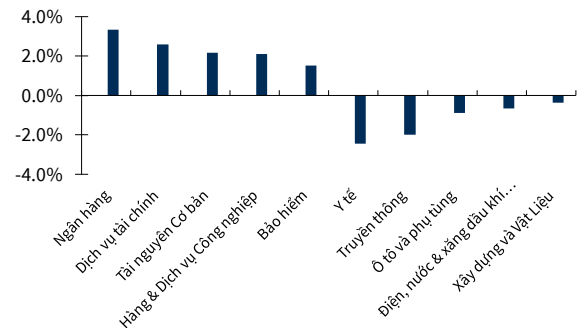
TTCK tăng điểm tương đồng với diễn biến chứng khoán thế giới khi nhà đầu tư bớt lo lắng về tác động tiêu cực của biến thể Omicron nhờ các nghiên cứu ở Anh, Scotland và Nam Phi cho thấy Omicron gây rủi ro nhập viện thấp hơn nhiều so với các biến thể COVID-19 trước như Delta. IEA kỳ vọng nhu cầu nhiên liệu cho giao thông đường bộ và ngành hóa dầu sẽ tiếp tục tăng trưởng mạnh, giá cổ phiếu ngành dầu tăng ở GAS (+0.5%), PVD (+1.2%). Hiệp hội Caosu Việt Nam (VRA) cho biết giá cao su trên thị trường thế giới tăng cao giúp xuất khẩu caosu hưởng tới giá trị kim ngạch trên 3.2 tỉ USD trong năm 2021, giá cổ phiếu ngành cao su tăng ở GVR (+0.1%), TRC (+3.7%). Cục Hàng hải Việt Nam cho biết tổng khối lượng hàng hóa thông qua cảng biển Việt Nam năm 2021 vẫn ước đạt hơn 703 triệu tấn, tăng 2% so với năm 2020, giá cổ phiếu ngành cảng biển tăng ở HAH (+1.9%), TMS (+2.7%). Khối ngoại mua ròng ở VHM (+0.5%), VRE (+0.8%), VIC (+0.5%).

VNIndex & HNXIndex



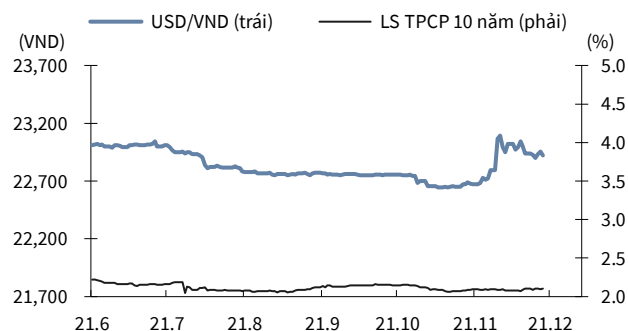
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



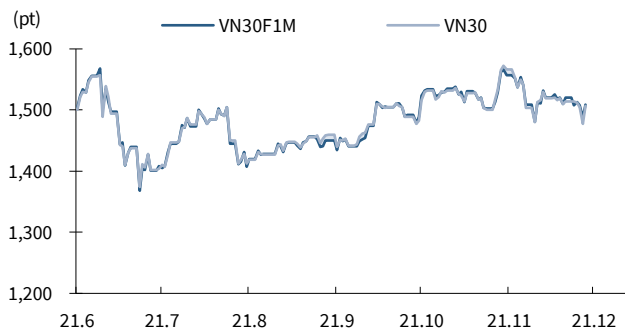
Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,506.67 (+1.98%)
VN30F1M	1,509.0 (+1.40%)
Mở cửa	1,488.0
Cao nhất	1,512.0
Thấp nhất	1,484.2
KLGD (HĐ)	140,292 (-28.6%)

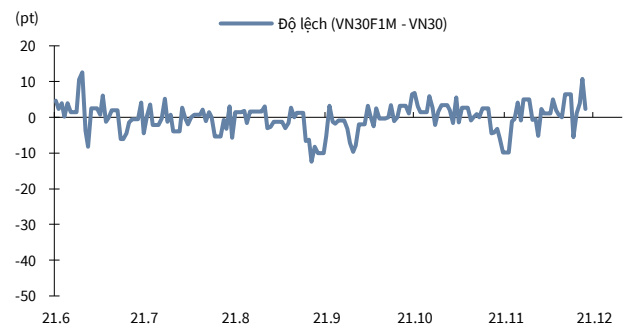
Các HĐTL tăng điểm mạnh từ phiên chiều, tương đồng với diễn biến chỉ số VN30 trước sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu ngân hàng nhờ lực cầu quay trở lại sau khi thị giá giảm xuống vùng hỗ trợ. Chênh lệch F2201 và chỉ số VN30 giữ nguyên trong phiên ATO, sau đó nhanh chóng được thu hẹp và biến động quanh mức trung bình 1.9 điểm trước khi đóng cửa ở mức 2.33 điểm. Khối ngoại mua ròng mạnh với thanh khoản thị trường giảm.

HĐTL VN30F1M & VN30



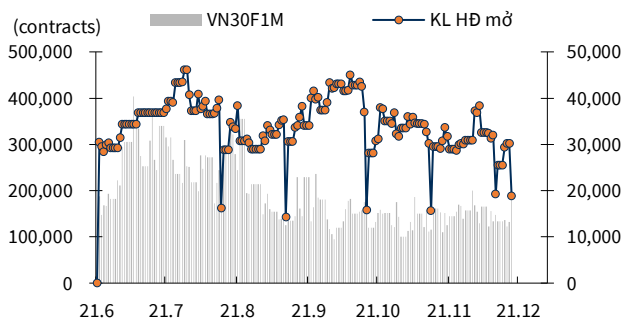
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



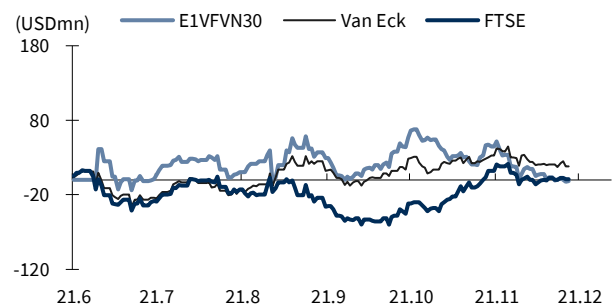
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

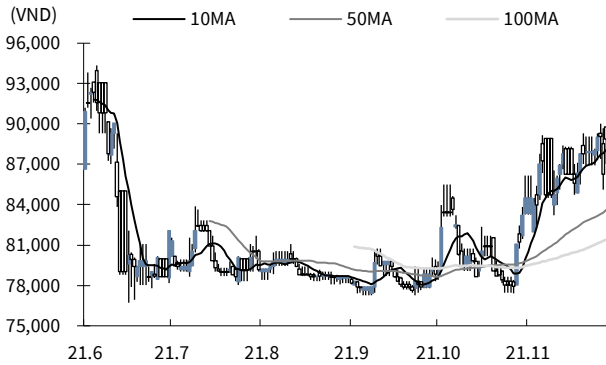
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

Novaland (NVL)

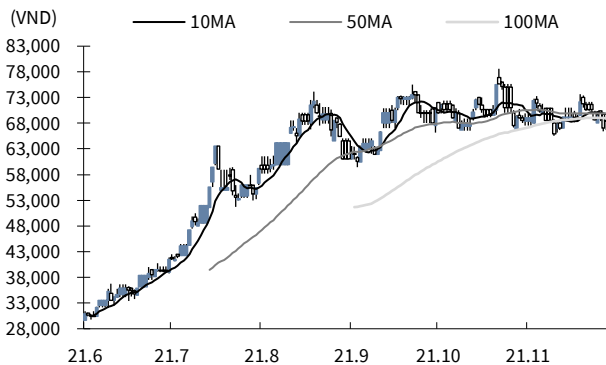


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- NVL tăng 3% lên 88,900 VND/cp

- Novaland công bố tài liệu lấy ý kiến cổ đông về phương án phát hành tối đa 5,640 tỷ đồng trái phiếu chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, lãi suất 10%/năm. Đồng thời Novaland muốn chào bán tối đa 235 tỷ đồng trái phiếu không chuyển đổi, kèm chứng quyền, được bảo đảm, lãi suất 8%/năm, kỳ hạn trái phiếu dự kiến 10 năm kể từ ngày phát hành.

Vận tải Xếp dỡ Hải An (HAH)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- HAH tăng 1.9% lên 68,400 VND/cp

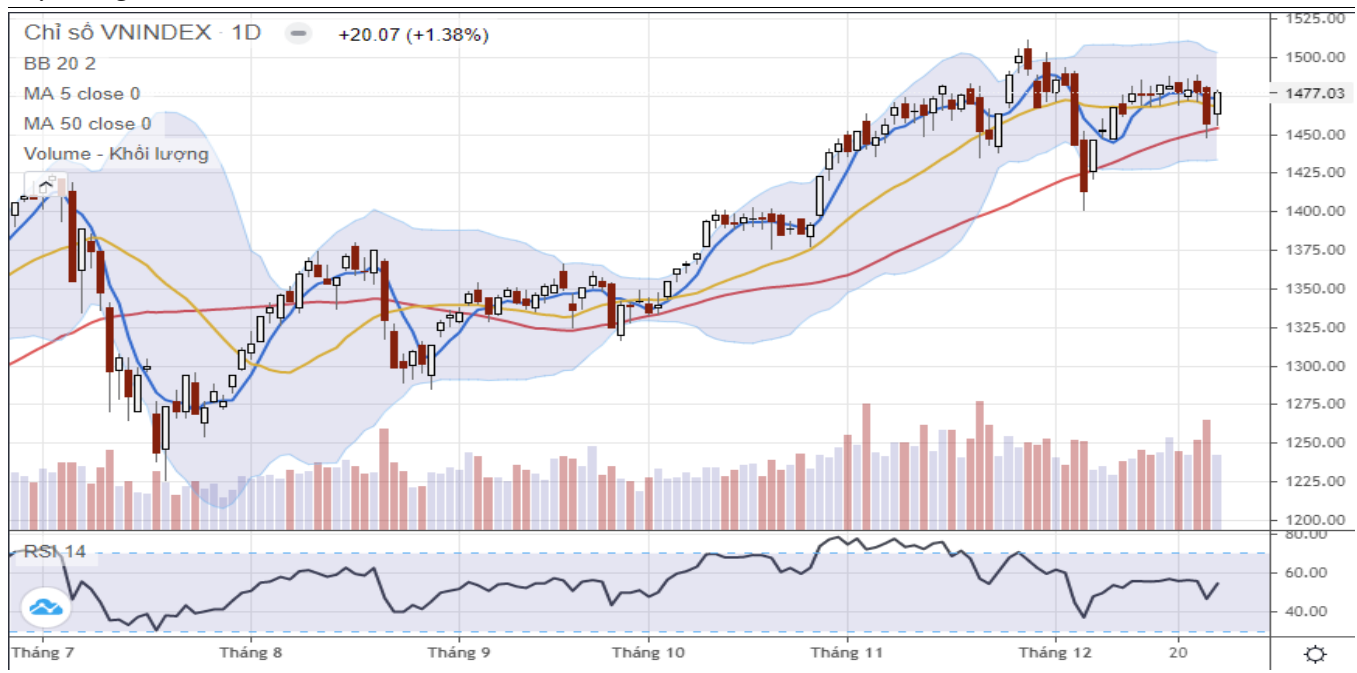
- Vận tải Xếp dỡ Hải An công bố lợi nhuận sau thuế năm 2021 ước đạt 389 tỷ đồng (+270% YoY) và tăng 146% so với kế hoạch và tổng doanh thu ước đạt gần 1,900 tỷ đồng (+58% YoY) và tăng 14% với kế hoạch.

- Năm 2022, Hải An dự kiến mua thêm 1-2 tàu container đã qua sử dụng loại 1,600-1,700 teu và đóng mới 2 tàu container 1,800 teu và sẽ tiếp tục tìm kiếm các cơ hội để đầu tư depot hoặc bến cảng tại khu vực TP HCM, Vũng Tàu và miền Trung.

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



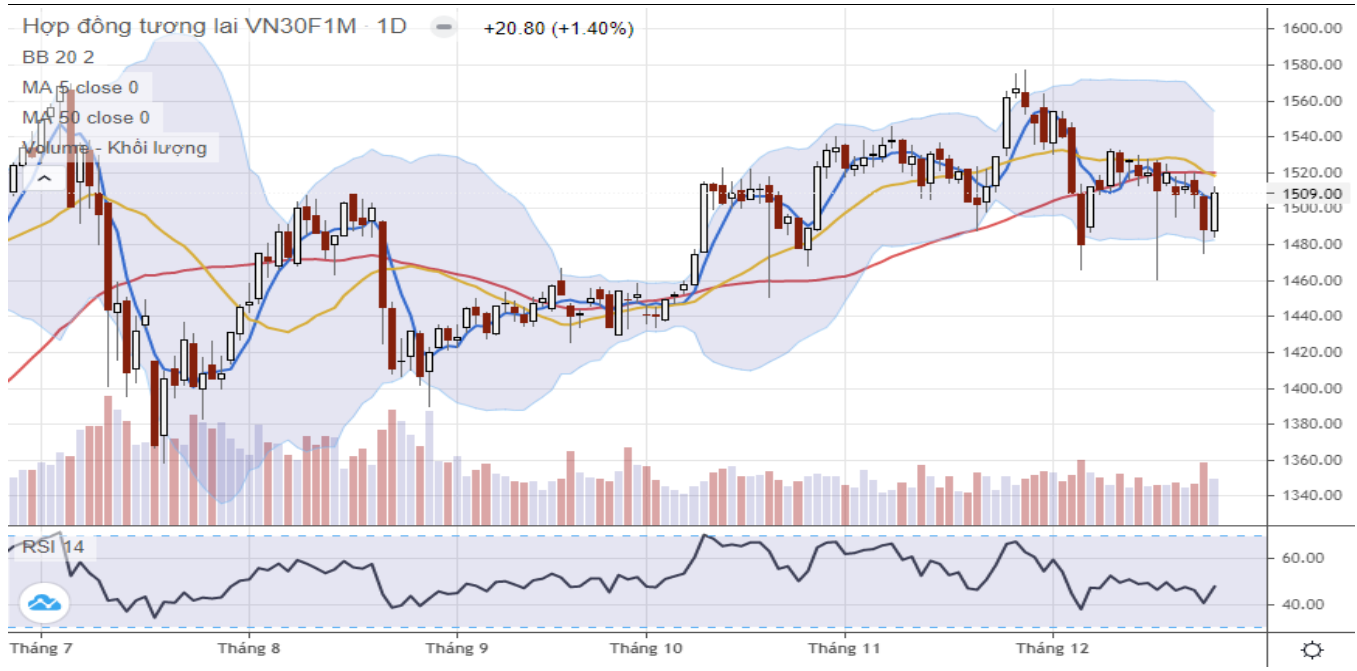
Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- Sau nhịp hồi phục vào đầu phiên, VNIndex có phần suy yếu trước khi thiết lập các nhịp tăng gồng đầu và mở rộng đà tăng tích cực về cuối phiên.
- Với việc cho phản ứng hồi phục sớm và vẫn giữ được các điểm đỡ then chốt, chỉ số đang có nhiều cơ hội hướng lên vùng kháng cự kế tiếp tại 149x. Mặc dù vậy, đà tăng của điểm số mới chỉ phần nhiều dựa vào một vài nhóm ngành vốn hóa lớn và sau nhịp biến động mạnh, chỉ số sẽ cần thêm thời gian để thiết lập mặt bằng giá ổn định hơn, nên khả năng chinh phục thành công vùng cản này chưa được đánh giá cao trong những phiên đầu tuần tới.
- Sau khi gia tăng 1 phần vị thế trading, NĐT được khuyến nghị có thể linh hoạt bán 1 phần cân bằng lại tỷ trọng khi các cổ phiếu nắm giữ tiếp cận vùng cản gần.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh - Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1518 - 1521

Kháng cự gần: 1513 - 1515

Hỗ trợ gần: 1501 - 1503

Hỗ trợ xa: 1491 - 1495

- F1 diễn biến giằng co đầu phiên trước khi mở rộng đà tăng tích cực về cuối phiên với các nhịp tăng gối đầu.
- Với việc vẫn duy trì được kênh tăng điểm từ đáy giữa tháng 7, chỉ số đang có nhiều cơ hội thử thách lại vùng kháng cự gần tại quanh 1515-1520. Mặc dù vậy, nhịp hồi phục được đánh giá có phần khá gấp gáp nên khả năng chinh phục thành công vùng cản này chưa được đánh giá cao trong những phiên đầu tuần tới.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Linh hoạt trading 2 chiều Long tại hỗ trợ và Short tại kháng cự.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Mở một phần vị thế LONG khi chỉ số lùi về vùng hỗ trợ sâu, nhưng dừng lỗ nếu bị phá vỡ.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

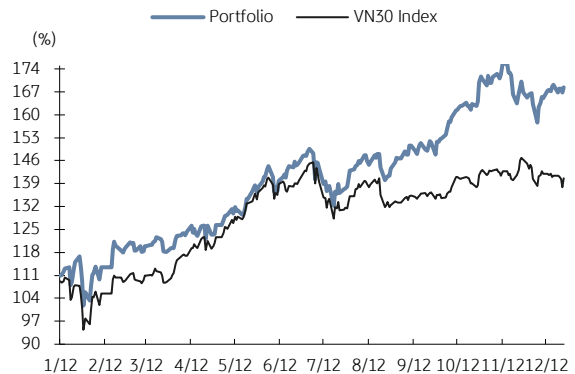
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	1.98%	0.89%
Tăng lũy kế (YTD)	40.71%	68.36%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 24/12/2021	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	134,600	0.7%	74.2%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	60,700	0.2%	174.4%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	94,700	1.1%	23.5%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Nam Tan Uyen (NTC)	11/11/2021	182,600	-1.4%	-4.9%	- Khu Công nghiệp NTC-3 được phê duyệt đóng góp tăng trưởng 2022 - Triển vọng tích cực trong dài hạn của ngành khu công nghiệp - Cấu trúc tài chính lành mạnh
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	71,800	2.6%	111.2%	- Mảng cho thuê vẫn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	93,800	0.6%	222.2%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	01/31/2020	32,900	2.2%	74.0%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	95,700	0.5%	30.4%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	46,050	2.4%	218.1%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbac City Development (KBC)	09/03/2020	60,000	0.0%	338.0%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VHM	0.5%	23.3%	108.0
VRE	0.8%	30.1%	53.8
VIC	0.5%	13.6%	53.5
NLG	0.2%	32.3%	31.0
VNM	1.5%	54.6%	29.3

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
HPG	2.5%	23.8%	-142.6
MSN	0.0%	32.0%	-76.0
GAS	0.5%	2.7%	-15.7
FUEVFNVD	0.6%	97.7%	4.6
BID	1.5%	16.7%	-4.3

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
IDC	2.0%	1.1%	6.1
VCS	-0.4%	3.7%	3.8
MBG	3.6%	0.2%	1.0
PTI	1.8%	37.7%	0.8
DIH	0.5%	0.1%	0.8

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
CEO	-2.2%	11.8%	-174.1
SHS	1.7%	8.4%	-3.9
APS	1.6%	1.0%	-3.0
TIG	1.1%	0.0%	-2.9
HLD	-2.0%	6.2%	-0.5

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	5.6%	YEG, PNC
Ô tô và phụ tùng	4.3%	TCH, HHS
Thực phẩm và đồ uống	2.9%	MSN, HNG
Ngân hàng	1.3%	VCB, EIB
Hóa chất	1.2%	GVR, DPM

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Y tế	-4.1%	DHG, DCL
Dịch vụ tài chính	-3.8%	SSI, ORS
Hàng cá nhân & Gia dụng	-3.2%	NHT, TCM
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-2.4%	GEX, GMD
Bảo hiểm	-2.2%	BVH, MIG

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Ô tô và phụ tùng	13.0%	TCH, SVC
Xây dựng và Vật Liệu	12.3%	ROS, VCG
Truyền thông	10.0%	YEG, ADG
Y tế	5.9%	DHG, IMP
Bất động sản	4.5%	BCM, DIG

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hàng cá nhân & Gia dụng	-9.2%	NHT, PNJ
Dịch vụ tài chính	-8.8%	ORS, SSI
Bảo hiểm	-8.0%	BVH, MIG
Tài nguyên Cơ bản	-6.0%	HPG, HSG
Ngân hàng	-4.7%	TCB, BID

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USD Mn)	GTGD (VND triệu, USD Mn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)			EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)		
							20E	21E	20E		21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	387,059 (16.9)	22.5	99.6	70.1	14.7	4.2	5.7	4.0	3.8	0.5	-5.4	2.6	0.3
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	619,436 (27.1)	26.6	9.9	8.9	35.9	31.5	27.5	2.9	2.3	0.5	-1.9	-1.0	20.4
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	263,200 (11.5)	17.8	38.5	24.8	-7.6	6.1	9.0	2.3	2.1	0.8	1.5	0.5	-0.5
	NVL	NO VA LAND INVES	45,853	86,712 (3,768)	482,336 (21.1)	31.3	41.6	30.3	6.7	13.8	13.9	5.6	5.0	3.1	1.1	9.5	142.1
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	31,182	19,167 (833)	94,847 (4.1)	11.6	29.8	22.0	18.0	13.5	15.7	3.4	3.1	-1.4	1.2	8.7	91.5
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	413,715 (18.1)	13.9	16.0	12.9	-	16.5	16.4	2.3	1.9	1.3	-5.0	29.1	148.0
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	79,937	378,305 (16,441)	111,282 (4.9)	6.3	18.9	15.7	11.7	20.5	20.4	3.3	2.5	2.6	3.8	-4.4	2.3
	BID	BANK FOR INVESTM	34,507	174,556 (7,586)	96,292 (4.2)	12.7	19.3	14.6	-5.3	13.2	15.5	2.1	1.9	1.4	-2.0	-4.4	-8.1
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	710,365 (31.1)	0.0	9.9	8.4	14.3	21.0	20.0	1.9	1.5	3.3	-1.9	-	55.2
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	315,288 (13.8)	1.4	12.1	8.7	61.1	16.3	19.6	1.6	1.4	2.2	-0.2	-7.1	22.9
	VPB	VIETNAM PROSPERI	22,944	101,381 (4,406)	777,141 (34.0)	0.0	12.0	10.1	18.8	18.0	16.1	1.8	1.6	5.7	1.3	-8.2	89.7
	MBB	MILITARY COMMERC	19,407	73,327 (3,187)	334,841 (14.7)	0.0	8.9	7.4	14.6	21.7	21.7	1.7	1.4	3.1	-0.2	-8.9	66.8
	HDB	HDBANK	20,400	40,641 (1,766)	201,850 (8.8)	4.2	10.0	9.0	23.3	20.9	19.9	1.9	1.6	6.9	-2.7	-	51.1
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	568,994 (24.9)	14.0	17.1	12.9	26.5	10.0	11.4	1.5	1.4	2.9	-0.4	-7.4	66.9
	TPB	TIEN PHONG COMME	20,630	28,732 (1,249)	233,308 (10.2)	0.0	13.1	10.7	37.5	21.2	20.2	2.4	2.0	6.9	3.3	7.9	97.7
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	26,854 (1.2)	0.2	-	-	27.3	-	-	-	-	6.8	20.0	6.1	62.1
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	56,581 (2.5)	21.0	22.5	18.9	15.8	9.1	10.1	1.9	1.8	2.0	-2.8	-	-15.2
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	27,043 (1.2)	14.2	22.3	19.2	9.1	10.9	12.6	2.1	1.9	-0.8	0.0	-1.0	74.5
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	21,998	19,947 (867)	1,113,227 (48.7)	55.4	21.5	23.4	-3.2	17.7	13.7	-	-	0.1	-6.6	-7.8	124.3
	VCI	VIET CAPITAL SEC	27,500	9,108 (396)	275,252 (12.0)	71.9	17.2	-	-4.0	25.0	25.8	-	-	1.7	-4.4	-7.4	146.4
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	250,021 (10.9)	52.4	16.6	-	-19.0	23.0	21.4	-	-	1.4	-4.7	-7.0	83.8
	VND	VNDIRECT SECURIT	17,211	5,734 (249)	561,926 (24.6)	27.2	-	-	36.3	31.7	19.8	-	-	1.4	-0.1	-1.8	325.5
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	169,968 (7.4)	42.1	17.8	16.8	4.0	33.3	33.8	5.4	5.1	1.5	0.4	-1.7	-21.0
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	23,172 (1.0)	36.9	27.0	21.8	7.3	17.6	19.4	4.2	3.7	0.1	-2.0	-	-24.6
	MSN	MASAN GROUP CORP	95,100	111,712 (4,855)	431,626 (18.8)	16.5	43.7	31.1	-51.9	31.6	23.1	9.2	7.1	0.0	8.6	8.9	92.4
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	152,980 (6.7)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	6.8	20.7	51.8	-13.7
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	100,180 (4.4)	11.0	-	34.8	-88.5	0.4	16.2	-	-	0.1	1.2	-6.2	-0.8
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	86,787 (3.8)	10.8	38.2	26.0	-57.0	8.6	12.2	2.3	2.3	-1.2	-7.2	-	40.3
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	343,890 (15.0)	38.4	157.6	21.0	65.7	1.3	8.2	1.9	1.8	-0.3	8.3	45.3	82.2
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	354,795 (15.5)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-6.1	17.0	82.6	390.1
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	618,537 (27.1)	37.7	-	-	-13.2	12.3	11.9	-	-	7.0	-9.9	-9.6	124.2
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	71,051 (3.1)	3.6	53.1	19.1	-52.4	1.6	4.5	0.9	0.8	1.0	5.9	33.0	24.5
	REE	REE	59,600	18,419 (800)	50,365 (2.2)	0.0	13.1	10.4	-4.5	11.9	13.2	1.6	1.4	2.6	6.2	6.2	46.7

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtỷ, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	91,872 (4.0)	46.1	18.9	15.5	-17.5	19.7	22.3	3.7	3.3	0.5	-3.3	-7.1	10.5
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	44,761 (2.0)	31.4	13.7	10.3	-10.5	12.6	15.7	1.7	2.1	-0.8	0.8	18.9	6.1
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	8,443 (0.4)	34.1	18.0	13.7	-5.1	8.9	11.6	1.6	1.6	0.8	5.5	9.2	2.2
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	32,481	145,287 (6,314)	939,545 (41.1)	18.0	5.6	6.6	21.9	45.3	29.6	2.1	1.6	2.4	-1.4	-5.3	50.0
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (286)	258,414 (11.3)	36.5	8.8	11.2	-0.5	28.4	19.3	2.2	2.0	-1.3	9.8	13.0	191.5
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	259,713 (11.4)	46.5	16.0	11.7	-4.5	19.8	22.4	2.9	2.6	-3.5	-1.2	3.2	167.5
	HSG	HOA SEN GROUP	22,636	11,063 (481)	253,748 (11.1)	38.9	5.8	6.5	67.9	25.0	19.2	1.3	1.0	1.7	-1.1	-5.9	77.3
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	139,940 (6.1)	97.2	26.7	23.3	17.2	-	-	1.5	1.4	-0.2	14.8	25.6	63.1
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	84,761 (3.7)	4.6	24.5	16.9	-51.0	14.7	16.3	2.9	2.9	0.4	-2.4	-7.0	-2.9
	PVD	PETROVIETNAM DRI	23,400	9,854 (428)	160,701 (7.0)	39.9	171.9	24.2	-11.9	0.5	4.2	0.9	0.8	1.2	4.0	4.1	78.4
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	55,304 (2.4)	35.9	11.4	9.2	1.2	14.3	16.7	1.5	1.4	0.4	-0.8	-0.8	70.0
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	93,000	65,024 (2,826)	131,371 (5.8)	0.0	20.9	15.1	13.7	26.6	28.3	4.8	3.8	0.7	0.1	-6.5	69.8
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	87,500	19,895 (865)	49,267 (2.2)	0.0	23.1	15.9	2.4	18.4	22.9	3.8	3.2	1.1	-0.8	10.4	16.9
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	10,010 (0.4)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	-6.9	18.4	23.4	-52.0
	FRT	FPT DIGITAL RETA	28,200	2,227 (097)	95,605 (4.2)	30.3	44.5	44.0	-75.2	13.4	12.6	5.8	5.2	6.9	15.5	59.8	194.1
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	53,545 (2.3)	34.6	26.6	10.8	41.2	13.4	30.4	3.0	2.7	-1.9	0.8	3.5	16.8
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	7,355 (0.3)	45.4	20.4	19.3	10.7	21.2	20.6	4.0	3.6	-4.2	-4.4	16.9	13.6
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	212 (0.0)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	68,000	61,301 (2,664)	159,862 (7.0)	0.0	20.3	16.6	15.5	24.0	25.3	4.4	4.0	0.6	-2.7	-4.2	82.5

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHOẢ PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOẢN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình
Giám đốc Khối Phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp

Dương Đức Hiếu
Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp
hieudd@kbsec.com.vn

Nguyễn Anh Tùng
Chuyên viên cao cấp – Tài chính & Công nghệ
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Hoàng Bảo Nga
Chuyên viên cao cấp – Bất động sản nhà ở
ngaphb@kbsec.com.vn

Lê Anh Tùng
Chuyên viên cao cấp – Dầu Khí & Ngân hàng
tungla@kbsec.com.vn

Nguyễn Ngọc Hiếu
Chuyên viên phân tích – Năng lượng & Vật liệu xây dựng
hieunn@kbsec.com.vn

Phạm Nhật Anh
Chuyên viên phân tích – Bất động sản công nghiệp & Logistics
anhpn@kbsec.com.vn

Lương Ngọc Tuấn Dũng
Chuyên viên phân tích – Bán lẻ & Hàng tiêu dùng
dunglnt@kbsec.com.vn

Khối Phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh
Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược Đầu tư
anhtd@kbsec.com.vn

Lê Hạnh Quyên
Chuyên viên phân tích – Vĩ mô & Ngân hàng
quyenlh@kbsec.com.vn

Thái Hữu Công
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap
congth@kbsec.com.vn

Trần Thị Phương Anh
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap
anhhttp@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ
Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương
Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656
Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276
Email: ccc@kbsec.com.vn
Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.